

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ
các xã, phường để thực hiện cấp bù tiền miễn học phí**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13009/TTr-STC ngày 03 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ các xã, phường để thực hiện cấp bù tiền miễn học phí, với các nội dung chính như sau:

- Tổng kinh phí bổ sung có mục tiêu đợt này: 50.721 triệu đồng (năm mươi tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu đồng).
- Nguồn kinh phí: Từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Tài chính và đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề

ngiht phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo và việc đảm bảo nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và các điều kiện bổ sung dự toán, giao dự toán theo đúng quy định của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định). Kinh phí bổ sung có mục tiêu được giao tại Quyết định này chỉ phê duyệt tổng số nhằm bổ sung nguồn lực từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường để thực hiện nhiệm vụ; UBND tỉnh không phê duyệt chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi cụ thể; các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán kinh phí được bổ sung và tuân thủ theo đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức, thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình theo quy định hiện hành.

3. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, có văn bản hướng dẫn các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ; theo đó, yêu cầu việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho cơ sở giáo dục công lập phải được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

4. Sở Tài chính:

a) Có trách nhiệm định kỳ tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất đối với các nội dung UBND tỉnh quyết định phân bổ, giao dự toán các khoản HĐND tỉnh chưa phân bổ chi tiết, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; đồng thời, báo cáo kết quả nội dung tham mưu đã được phê duyệt tại Quyết định này tại phiên họp gần nhất của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

b) Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho cơ sở giáo dục công lập đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường được bổ sung kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi phân bổ, sử dụng, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm; đồng thời, thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Thủ trưởng đơn vị và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình. Trường hợp thực hiện chế độ, chính sách không đúng quy định, các đơn vị có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc chức năng, nhiệm vụ; kịp thời báo cáo UBND tỉnh nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Giao Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của cấp ngân sách, đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách được bổ sung kinh phí có mục tiêu tại Quyết định này; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Chủ tịch UBND các xã, phường có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường có tên tại phụ lục;
- Lưu: VT, KTTC, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục:

**PHÊ DUYỆT BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU KINH PHÍ HỖ TRỢ
CÁC XÃ, PHƯỜNG ĐỂ THỰC HIỆN CẤP BÙ TIỀN MIỄN HỌC PHÍ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Đơn vị	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí bổ sung có mục tiêu đợt này
	Tổng cộng	126.802	50.721
1	Phường Hạc Thành	11.258	4.506
2	Phường Quảng Phú	5.426	2.170
3	Phường Đông Quang	2.614	1.046
4	Phường Hàm Rồng	2.930	1.172
5	Phường Nguyệt Viên	2.066	826
6	Phường Đông Sơn	3.199	1.280
7	Phường Đông Tiến	2.420	968
8	Phường Sầm Sơn	5.670	2.268
9	Phường Nam Sầm Sơn	2.738	1.095
10	Phường Quang Trung	1.424	570
11	Phường Ngọc Sơn	1.149	460
12	Phường Tân Dân	565	226
13	Phường Hải Lĩnh	506	202
14	Phường Tĩnh Gia	1.554	622
15	Phường Đào Duy Từ	597	239
16	Phường Hải Bình	774	310
17	Phường Trúc Lâm	686	274
18	Phường Nghi Sơn	332	133
19	Xã Các Sơn	541	216
20	Xã Trường Lâm	574	230
21	Xã Hà Trung	721	288
22	Xã Lĩnh Toại	616	246
23	Xã Hoạt Giang	595	238
24	Xã Hà Long	444	178

STT	Đơn vị	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí bổ sung có mục tiêu đợt này
25	Xã Tổng Sơn	740	296
26	Xã Nga Sơn	1.213	485
27	Xã Hồ Vương	657	263
28	Xã Ba Đình	2.194	878
29	Xã Nga An	535	214
30	Xã Nga Thắng	641	256
31	Xã Tân Tiến	511	204
32	Xã Hậu Lộc	904	362
33	Xã Triệu Lộc	645	258
34	Xã Đông Thành	753	301
35	Xã Hoa Lộc	1.025	410
36	Xã Vạn Lộc	1.888	755
37	Xã Hoằng Hóa	2.850	1.140
38	Xã Hoằng Lộc	1.012	405
39	Xã Hoằng Thanh	1.049	420
40	Xã Hoằng Sơn	753	301
41	Xã Hoằng Châu	936	374
42	Xã Hoằng Giang	826	330
43	Xã Hoằng Tiến	872	349
44	Xã Hoằng Phú	576	230
45	Xã Lưu Vệ	1.201	480
46	Xã Quảng Ninh	644	258
47	Xã Quảng Bình	866	346
48	Xã Quảng Chính	789	316
49	Xã Quảng Ngọc	824	330
50	Xã Tiên Trang	1.101	440
51	Xã Quảng Yên	701	280
52	Xã Nông Công	2.178	871
53	Xã Thăng Bình	677	271

STT	Đơn vị	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí bổ sung có mục tiêu đợt này
54	Xã Thắng Lợi	633	253
55	Xã Tượng Lĩnh	455	182
56	Xã Trường Văn	502	201
57	Xã Trung Chính	1.161	464
58	Xã Công Chính	698	279
59	Xã Triệu Sơn	1.696	678
60	Xã Tân Ninh	519	208
61	Xã An Nông	639	256
62	Xã Đồng Tiến	612	245
63	Xã Hợp Tiến	813	325
64	Xã Thọ Ngọc	604	242
65	Xã Thọ Phú	1.953	781
66	Xã Thọ Xuân	2.231	892
67	Xã Sao Vàng	1.079	432
68	Xã Lam Sơn	846	338
69	Xã Thọ Long	739	296
70	Xã Thọ Lập	494	198
71	Xã Xuân Tín	511	204
72	Xã Xuân Lập	792	317
73	Xã Xuân Hòa	556	222
74	Xã Yên Định	1.878	751
75	Xã Yên Trường	1.067	427
76	Xã Yên Phú	492	197
77	Xã Quý Lộc	533	213
78	Xã Yên Ninh	582	233
79	Xã Định Hòa	686	274
80	Xã Định Tân	672	269
81	Xã Thiệu Hóa	1.394	558
82	Xã Thiệu Trung	759	304

STT	Đơn vị	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí bổ sung có mục tiêu đợt này
83	Xã Thiệu Quang	739	296
84	Xã Thiệu Tiến	642	257
85	Xã Thiệu Toán	574	230
86	Xã Vĩnh Lộc	1.030	412
87	Xã Tây Đô	681	272
88	Xã Biện Thượng	881	352
89	Xã Kim Tân	646	258
90	Xã Vân Du	348	139
91	Xã Ngọc Trạo	350	140
92	Xã Thạch Bình	543	217
93	Xã Thạch Quảng	123	49
94	Xã Thành Vinh	368	147
95	Xã Cẩm Thủy	416	166
96	Xã Cẩm Thạch	408	163
97	Xã Cẩm Tân	285	114
98	Xã Cẩm Vân	277	111
99	Xã Cẩm Tú	354	142
100	Xã Ngọc Lặc	526	210
101	Xã Thạch Lập	275	110
102	Xã Kiên Thọ	697	279
103	Xã Minh Sơn	387	155
104	Xã Ngọc Liên	367	147
105	Xã Nguyệt Ấn	296	118
106	Xã Như Thanh	451	180
107	Xã Xuân Du	285	114
108	Xã Mậu Lâm	269	108
109	Xã Thanh Kỳ	182	73
110	Xã Yên Thọ	358	143
111	Xã Xuân Thái	59	24

STT	Đơn vị	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí bổ sung có mục tiêu đột này
112	Xã Linh Sơn	1.542	617
113	Xã Văn Phú	111	44
114	Xã Giao An	30	12
115	Xã Yên Khương	12	5
116	Xã Yên Thắng	95	38
117	Xã Bá Thước	315	126
118	Xã Thiết Ống	168	67
119	Xã Văn Nho	124	50
120	Xã Pù Luông	77	31
121	Xã Điền Lư	300	120
122	Xã Quý Lương	213	85
123	Xã Hồi Xuân	156	62
124	Xã Hiền Kiệt	99	40
125	Xã Nam Xuân	67	27
126	Xã Phú Lệ	87	35
127	Xã Phú Xuân	72	29
128	Xã Thiên Phú	71	28
129	Xã Trung Sơn	49	20
130	Xã Trung Thành	74	30
131	Xã Thường Xuân	504	202
132	Xã Xuân Chinh	105	42
133	Xã Thắng Lộc	113	45
134	Xã Yên Nhân	74	30
135	Xã Vạn Xuân	88	35
136	Xã Bát Mọt	55	22
137	Xã Lương Sơn	142	57
138	Xã Như Xuân	3.241	1.296
139	Xã Thanh Phong	146	58
140	Xã Hóa Quý	176	70

STT	Đơn vị	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí bổ sung có mục tiêu đợt này
141	Xã Thượng Ninh	220	88
142	Xã Xuân Bình	243	97
143	Xã Mường Lý	108	43
144	Xã Quang Chiêu	73	29
145	Xã Tam Chung	71	28
146	Xã Trung Lý	116	46
147	Xã Mường Mìn	18	7
148	Xã Na Mèo	56	22
149	Xã Sơn Điện	65	26
150	Xã Tam Lư	80	32
151	Xã Sơn Thủy	73	29